

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/ 02/ 2024

V/v tranh chấp “ Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN G**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Cao Ngọc Nhẫn**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G không tham gia phiên tòa.*

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 628/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp Hòa Đ, xã Hòa K, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Trường G**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp Hòa Đ, xã Hòa K, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

(Chị N có mặt, anh G vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:*

- Chị và anh Phạm Trường G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 4 năm nay. Nguyên nhân do anh G không lo làm ăn, vợ chồng thường hay cãi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh G.

- Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Phạm Trường Huy, sinh ngày 28/5/2015, hiện do anh G nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh G tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

\* Theo tờ tự khai đề ngày 01/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Trường G trình bày:

- Anh và chị Lê Thị Hồng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh cũng vẫn tới lui đến tháng 5/2023 tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn trong việc lời ăn tiếng nói với nhau. Nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Phạm Trường H, sinh ngày 28/5/2015, hiện do anh G nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên. Anh G vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy anh G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị N xin ly hôn anh đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung của chị và anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh G, nên xác định đây là tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Trường G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang số 111 ngày 05/8/2014, theo Trích lục kết hôn số 734/2023/TLKH-BS ngày 11/9/2023 Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Hôn nhân chị N, anh G là hợp pháp.

Anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 4 năm nay. Nguyên nhân do anh G không lo làm ăn, vợ

chồng thường hay cãi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh G.

- Anh G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị N xin ly hôn anh đến lần thứ 2, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, như vậy chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh G là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*:

- Chị N và anh G có 01 con chung tên Phạm Trường H, sinh ngày 28/5/2015, hiện do anh G nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy con chung anh, chị hiện do anh G nuôi dưỡng từ khi vợ chồng cắt đứt qun hệ đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của các con chung mà tiếp tục giao con chung cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

**[3]. Về án phí**: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4]. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, sinh năm: 1984.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng N;

- Cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Phạm Trường G.

**2. Về con chung**:

- Giao con chung tên Phạm Trường H, sinh ngày 28/5/2015 cho anh Phạm Trường G tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra giải quyết, do anh G không yêu cầu.

**3. Về tài sản chung**: Không có.

**4. Về nợ chung**: Không có.

**5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm**:

- Chị Lê Thị Hồng N chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013139 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G, xem như chị N đã thi hành xong tiền án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:**

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh G được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa K, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Thiện Trí, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 2024.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Văn Nhịn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 628/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp Hòa Điền, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Trường G**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp Hòa Điền, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

\* Về quan hệ: Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ Luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng N;

- Cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Phạm Trường G.

2. *Về con chung*:

- Giao con chung tên Phạm Trường Huy, sinh ngày 28/5/2015 cho anh Phạm Trường G tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra giải quyết, do anh G không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Chị Lê Thị Hồng N chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013139 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G, xem như chị N đã thi hành xong tiền án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh G được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 22 tháng 02 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành Viên Hội Đồng Xét Xử**

**- Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

